

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1465/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 9 năm 2009*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Ngãi,  
giai đoạn 2009-2013**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ/BNN-KL ngày 20/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề án giao rừng, cho thuê rừng giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1466/SNN&PTNT ngày 01/9/2009 về việc phê duyệt Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009-2013,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án giao rừng, cho thuê rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2009 - 2013 (có Đề án kèm theo), với các nội dung chính như sau:

#### **1. Mục tiêu:**

Đến năm 2013, hoàn thành cơ bản việc giao, cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh đến chủ rừng thuộc các thành phần kinh tế để tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, trong đó:

a) Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hồ sơ để tiến hành giao hoặc cho thuê khoảng 37.500 ha (trong đó có khoảng 27.702 ha rừng hiện do UBND cấp xã đang quản lý) rừng phòng hộ và rừng sản xuất (rừng tự nhiên do Nhà nước đang quản lý và rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước) cho các tổ chức, cộng đồng dân cư; hộ gia

đình và cá nhân quản lý, sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; ưu tiên các chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thường trú tại địa phương;

b) Rà soát và hoàn thành thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng khoảng 11.000 ha đất có rừng đối với diện tích rừng không do ngân sách nhà nước đầu tư.

## **2. Yêu cầu:**

a) Giao rừng, cho thuê rừng phải phù hợp với kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007;

b) Giao rừng cần tiến hành đồng thời với giao đất lâm nghiệp. Những diện tích rừng chưa có điều kiện giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, thì tiến hành giao quyền sử dụng rừng trước và có quy chế quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

c) Đảm bảo sự bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, giảm thiểu mâu thuẫn có thể nảy sinh; ưu tiên giao rừng cho đồng bào dân tộc tại chỗ; cộng đồng thôn bản theo tập quán đã quản lý rừng trên thực tế; các hộ gia đình, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng để cải thiện đời sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi;

d) Tổ chức giao quỹ rừng Nhà nước đang quản lý (rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên và rừng trồng bằng kinh phí Nhà nước) cho các chủ rừng quản lý, bảo vệ và sử dụng ổn định theo Quy chế quản lý rừng và tập trung đẩy nhanh tiến độ giao rừng sản xuất, đặc biệt là diện tích rừng hiện đang do UBND các cấp quản lý. Việc giao rừng, cho thuê rừng phải đánh giá trữ lượng rừng hoặc giá trị đầu tư (đặc biệt là rừng trồng) để làm cơ sở giao rừng, cho thuê rừng.

đ) Lồng ghép và phối kết hợp các chương trình, dự án trên địa bàn với công tác giao rừng, cho thuê rừng để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

## **3. Nhiệm vụ:**

a) Rà soát, thống kê, phân loại và xác định diện tích rừng đã giao, cho thuê, khoán quản lý bảo vệ rừng qua các thời kỳ để làm cơ sở cho việc lập phương án giao rừng, cho thuê rừng, cân đối nhu cầu giao rừng, cho thuê rừng tới các chủ quản lý, sử dụng rừng. Bao gồm:

- Diện tích và chất lượng rừng theo mục đích sử dụng của từng loại rừng;
- Các chủ rừng đã được giao đất lâm nghiệp, giao rừng, cho thuê rừng, nhận khoán quản lý, bảo vệ; diện tích rừng đã giao, cho thuê;
- Những diện tích rừng đã giao cho các chủ quản lý, sử dụng nhưng sử dụng sai mục đích hoặc chưa sử dụng phải tiến hành thu hồi;
- Các đối tượng có nhu cầu nhận rừng.

b) Xác định cụ thể đối tượng được ưu tiên nhận rừng, thuê rừng.

c) Hoàn thiện các cơ chế chính sách quy định cụ thể và thống nhất về công tác giao rừng, cho thuê rừng; quy định cụ thể, dễ áp dụng về các cơ chế hưởng lợi (gỗ, lâm sản ngoài gỗ và các giá trị dịch vụ khác của rừng) và cơ chế quản lý, giám sát sau giao rừng, cho thuê rừng.

#### **4. Nội dung giao rừng, cho thuê rừng:**

##### **a) Quy trình giao rừng, cho thuê rừng:**

Quy trình giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng thực hiện theo hướng dẫn tại Mục II, III, IV Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

##### **b) Thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao rừng, cho thuê rừng đối với tổ chức trong nước.

- Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao rừng, cho thuê rừng đối với cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân;

- Ủy ban nhân dân có thẩm quyền giao, cho thuê rừng nào thì có quyền thu hồi rừng đó.

##### **c) Hạn mức giao rừng, cho thuê rừng:**

c1) Đối với tổ chức: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, cho thuê phải phù hợp với quy hoạch 3 loại rừng và theo Phương án sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c2) Đối với hộ gia đình và cá nhân: Mỗi hộ gia đình hoặc cá nhân được giao rừng phòng hộ, rừng sản xuất không quá 30 (ba mươi) ha đối với mỗi loại rừng.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối lại được giao thêm rừng phòng hộ, rừng sản xuất thì diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất giao thêm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá hai mươi lăm (25) ha.

c3) Đối với cộng đồng dân cư thôn: Giao theo nhu cầu của thôn nhưng phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng đã được phê duyệt.

Tùy theo quỹ rừng của từng địa phương và khả năng nhận rừng của từng chủ rừng (Tổ chức, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình, cá nhân) mà có sự điều chỉnh cho phù hợp.

##### **d) Thời hạn giao rừng, cho thuê rừng:**

d1) Giao rừng phòng hộ cho chủ rừng để quản lý, bảo vệ và sử dụng ổn định lâu dài.

d2) Giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng hoặc cho thuê rừng sản xuất là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng cho chủ rừng với thời hạn không quá 50 (năm mươi) năm; đối với các loài cây rừng có chu kỳ kinh doanh

vượt quá 50 (năm mươi) năm, đối với dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao rừng, cho thuê rừng không quá 70 (bảy mươi) năm.

d3) Cho tổ chức kinh tế thuê rừng phòng hộ để kết hợp kinh doanh cảnh quan nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái - môi trường với thời hạn không quá 50 (năm mươi) năm.

d4) Khi hết thời hạn sử dụng rừng, nếu chủ rừng có nhu cầu tiếp tục sử dụng và trong quá trình sử dụng rừng, chủ rừng chấp hành đúng pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng rừng phù hợp với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thì chủ rừng được xem xét gia hạn sử dụng rừng.

e) Phương pháp xác định đặc điểm khu rừng:

e1) Đặc điểm khu rừng giao, cho thuê, thu hồi được thể hiện thông qua các yếu tố sau: Vị trí, ranh giới; loại rừng; diện tích rừng; trạng thái rừng và chất lượng rừng (thực hiện theo Mục V của Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn).

e2) Thẩm quyền xác định đặc điểm khu rừng: Việc đo đếm để xác định đặc điểm khu rừng giao, cho thuê do cơ quan tư vấn chuyên ngành về lâm nghiệp thực hiện.

f) Chính sách hưởng lợi của các đối tượng nhận rừng:

f1) Đối với hộ gia đình, cá nhân: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 138/2004/QĐ-UB ngày 20/5/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành khung hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

f2) Đối với cộng đồng dân cư thôn và các tổ chức khác: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 và các Điều trong Chương V, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

## 5. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện: 16.941.877.000 đồng (*Mười sáu tỷ chín trăm bốn mươi một triệu tám trăm bảy bảy ngàn đồng*). Trong đó:

- Kinh phí thuộc ngân sách nhà nước: 15.224.317.000 đồng
- + Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: 15.033.477.000 đồng
- + Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhà nước: 190.840.000 đồng
- Kinh phí do chủ rừng: 1.717.560.000 đồng

## 6. Tổ chức thực hiện:

### a) Kế hoạch thực hiện:

Từ năm 2009 đến năm 2013 các nội dung của đề án sẽ được triển khai thực hiện

theo kế hoạch như sau:

**\* Năm 2009:**

- Chỉ đạo các địa phương triển khai xây dựng và tổ chức phê duyệt phương án giao rừng, cho thuê rừng. Rà soát quy hoạch, xác định hiện trạng tài nguyên rừng gắn với diện tích rừng, đất lâm nghiệp đã giao, cho thuê, khoán; xác định quy mô giao rừng và đối tượng nhận rừng,

- Xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch triển khai tổ chức tập huấn giao rừng, cho thuê rừng,

- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại các địa phương.

**\* Năm 2010-2013:** Tổ chức triển khai và hoàn thành trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Biện pháp thực hiện:

b1) Đào tạo và tuyên truyền về giao rừng, cho thuê rừng:

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn cho các cơ quan, cán bộ quản lý và kỹ thuật để từng bước tự tổ chức, giám sát và thực hiện phương án giao rừng, cho thuê rừng.

- Tập huấn, huấn luyện kỹ thuật, nghiệp vụ bảo vệ rừng và các nội dung liên quan cho các lực lượng chuyên ngành, chủ rừng và các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng địa phương và cơ sở.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về chính sách của nhà nước về giao rừng, cho thuê rừng; quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

b2) Tổ chức và quản lý quá trình giao rừng, cho thuê rừng:

- Xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng: Trên cơ sở loại rừng và đối tượng được giao rừng, thuê rừng đã được xác định, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chỉ đạo các ngành liên quan xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng với một số yêu cầu chủ yếu sau:

+ Phương án giao rừng, cho thuê rừng phải được cụ thể hoá đến từng thôn, bản, có sự tham gia của cộng đồng, chính quyền cơ sở và xây dựng lịch trình, tiến độ cụ thể;

+ Giao rừng, cho thuê rừng phải trên cơ sở kiểm kê, xác định trữ lượng và đánh giá chất lượng rừng đến lô trạng thái.

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng:

+ Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải tiến hành đồng thời với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng;

+ Những nơi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chậm thì tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng trước.

Mẫu giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng phải thống nhất và theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quản lý hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng:

Toàn bộ hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng phải được thiết lập, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cấp tỉnh, huyện, xã. Hồ sơ giao và cho thuê rừng gồm 04 bộ: chủ rừng giữ 01 bộ; cơ quan lâm nghiệp cùng cấp (Kiểm lâm) giữ 01 bộ, cấp chính quyền ra quyết định giao rừng, cho thuê rừng giữ 01 bộ, ngành Tài nguyên và Môi trường cùng cấp giữ 01 bộ để làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng.

Hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng gồm có:

+ Biên bản xác nhận về hiện trạng khu rừng được giao, hoặc ảnh vệ tinh có độ phân giải cao đã được giải đoán;

+ Quyết định hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng;

+ Bản đồ giao rừng tỷ lệ 1/10.000 (đối với tổ chức) hoặc sơ đồ giao rừng tỷ lệ 1/5000 (đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn); các thông tin về tọa độ, ranh giới và các mô tả khác về diện tích;

+ Biên bản bàn giao rừng tại thực địa có xác nhận của các chủ rừng có chung ranh giới;

Mẫu các văn bản, quyết định, chứng nhận, biên bản bàn giao ... phải thống nhất và theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b3) Giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác:

- Xây dựng hệ thống hồ sơ, sổ sách và cơ sở dữ liệu về giao rừng, cho thuê rừng và các chủ rừng để quản lý và cập nhật.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, các biện pháp lâm sinh, công nghệ sản xuất tiên tiến phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội của từng địa phương.

- Hợp tác trao đổi kinh nghiệm, thăm quan nghiên cứu các mô hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

c) Công tác bảo vệ và phát triển rừng sau khi giao, cho thuê:

Các tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư thôn, hộ gia đình và cá nhân sau khi được giao rừng, thuê rừng phải tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo các quy định hiện hành của pháp luật; tự đầu tư kinh phí, sức lao động để bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của UBND các cấp, các cơ quan chức năng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;

Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Huế**